

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 158/2025/DS-PT
Ngày 02-7-2025
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Minh Châu.

Các Thẩm phán: Bà Trịnh Ngọc Thúy và ông Nguyễn Phước Hưng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Bé Thơ - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:
Ông Lê Hoàng Nhựt - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 85/2025/TLPT-DS ngày 08 tháng 5 năm 2025 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 94/2024/DS-ST ngày 02 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 116/2025/QĐ-PT ngày 12 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 176/2025/QĐ-PT ngày 09 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị X, sinh năm 1950; nơi cư trú: Số A, tổ E, ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang (nay là số A, tổ E, ấp A, xã H, tỉnh An Giang) (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Ngô Việt B, là Luật sư của Văn phòng L9, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H; địa chỉ: Số D N, Phường A, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là số D N, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh) (có mặt).

2. Bị đơn:

2.1. Ông Huỳnh Văn T, sinh năm 1948 (có mặt);

2.2. Bà Phạm Thị H, sinh năm 1966 (vắng mặt);

Cùng cư trú: Ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang (nay là ấp A, xã H, tỉnh An Giang).

2.3. Ông Huỳnh Văn M, sinh năm 1928 (chết);

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Huỳnh Văn M, gồm:

2.3.1. Nguyễn Thị Cà R, sinh năm 1974; nơi cư trú: Ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang (nay là ấp A, xã H, tỉnh An Giang) (vắng mặt).

2.3.2. Bà Huỳnh Thị N, sinh năm 1957; nơi cư trú: Ấp B, xã H, huyện C, tỉnh An Giang (nay là ấp B, xã H, tỉnh An Giang) (chết ngày 12/12/2022).

2.3.3. Bà Huỳnh Thị N1, sinh năm 1960; nơi cư trú: Ấp H, thị trấn A, huyện C, tỉnh An Giang (nay là ấp H, xã A, tỉnh An Giang) (vắng mặt).

2.3.4. Bà Huỳnh Thị N2, sinh năm 1961; nơi cư trú: Ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang (nay là ấp A, xã H, tỉnh An Giang) (có mặt).

2.3.5. Bà Huỳnh Thị C, sinh năm 1964; nơi cư trú: Ấp A, xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp (nay là ấp A, xã L, tỉnh Đồng Tháp) (vắng mặt).

2.3.6. Bà Huỳnh Thị C1, sinh năm 1966; nơi cư trú: Số D, khóm Đ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang (nay là số D, khóm Đ, phường M, tỉnh An Giang) (vắng mặt).

2.3.7. Ông Huỳnh Văn P, sinh năm 1973 (vắng mặt);

2.3.8. Ông Huỳnh Văn P1, sinh năm 1976 (vắng mặt);

Cùng cư trú: Ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang (nay là ấp A, xã H, tỉnh An Giang).

2.3.9 Bà Huỳnh Thị C2, sinh năm 1978; nơi cư trú: Ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang (nay là ấp A, xã H, tỉnh An Giang) (vắng mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh An Giang.

Cơ quan kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh An Giang: Ủy ban nhân dân xã H, tỉnh An Giang; địa chỉ: Xã H, tỉnh An Giang (vắng mặt).

3.2. Ông Huỳnh Ngọc T1, sinh năm 1958 (chết);

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Huỳnh Ngọc T1, gồm:

3.2.1. Bà Nguyễn Thị N3, sinh năm 1957 (vắng mặt);

3.2.2. Ông Huỳnh Văn T2, sinh năm 1976 (vắng mặt);

3.2.3. Ông Huỳnh Ngọc K, sinh năm 1978 (vắng mặt);

3.2.4. Ông Huỳnh Ngọc K1, sinh năm 1980 (vắng mặt);

3.2.5. Ông Huỳnh Bé T17, sinh năm 1981 (vắng mặt);

3.2.6. Bà Huỳnh Ngọc S, sinh năm 1983 (vắng mặt);

3.2.7. Ông Huỳnh Ngọc T3, sinh năm 1987 (vắng mặt);

3.2.8. Ông Huỳnh Ngọc T4, sinh năm 1989 (vắng mặt);

3.2.9. Ông Huỳnh Ngọc C3, sinh năm 1991 (vắng mặt);

Cùng cư trú: Ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang (nay là ấp A, xã H, tỉnh An Giang).

3.3. Bà Nguyễn Thị N3, sinh năm 1957 (vắng mặt);

3.4. Ông Huỳnh Văn T2, sinh năm 1976 (vắng mặt);

3.5. Ông Huỳnh Ngọc K, sinh năm 1978 (vắng mặt);

3.6. Ông Huỳnh Bé T17, sinh năm 1981 (vắng mặt);

3.7. Bà Huỳnh Ngọc S, sinh năm 1983 (vắng mặt);

3.8. Ông Huỳnh Ngọc T3, sinh năm 1987 (vắng mặt);

3.9. Ông Huỳnh Ngọc T4, sinh năm 1989 (vắng mặt);

3.10. Ông Huỳnh Ngọc C3, sinh năm 1991 (vắng mặt);

Cùng cư trú: Ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang (nay là ấp A, xã H, tỉnh An Giang).

3.11. Bà Nguyễn Thị B1, sinh năm 1953 (vắng mặt);

3.12. Bà Huỳnh Thị M1, sinh năm 1974 (vắng mặt);

3.13. Ông Huỳnh Văn M2, sinh năm 1979 (vắng mặt);

3.14. Bà Trương Thị K2, sinh năm 1980 (vắng mặt);

3.15. Chị Huỳnh Thị Ánh X1, sinh năm 2012 (vắng mặt);

Người đại diện hợp pháp của chị Huỳnh Thị Ánh X1: Ông Huỳnh Văn M2 và bà Trương Thị K2, là người đại diện theo pháp luật (vắng mặt).

Cùng cư trú: Số A, tổ F, ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang (nay là số A, tổ F, ấp A, xã H, tỉnh An Giang).

3.16. Bà Nguyễn Thị P2, sinh năm 1971 (vắng mặt);

3.17. Ông Huỳnh Hữu H1, sinh năm 1991 (vắng mặt);

3.18. Bà Nguyễn Thị Tuyết L, sinh năm 1993 (vắng mặt);

3.19. Chị Huỳnh Thị Tuyết L1, sinh năm 2014 (vắng mặt);

Người đại diện hợp pháp của chị Huỳnh Thị Tuyết L1: Ông Huỳnh Hữu H1 và bà Nguyễn Thị Tuyết L, là người đại diện theo pháp luật (vắng mặt).

Cùng cư trú: Số A, tổ F, ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang (nay là số A, tổ F, ấp A, xã H, tỉnh An Giang).

3.20. Bà Võ Thị Thanh T5, sinh năm 1981 (vắng mặt);

3.21. Ông Huỳnh Văn H2, sinh năm 1999 (vắng mặt);

3.22. Chị Huỳnh Thị N4, sinh năm 2007 (vắng mặt);

Người đại diện hợp pháp của chị Huỳnh Thị N4: Ông Huỳnh Văn Thiện E và bà Võ Thị Thanh T5, là người đại diện theo pháp luật.

Cùng cư trú: Số A, tổ F, ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang (nay là số A, tổ F, ấp A, xã H, tỉnh An Giang) (vắng mặt).

3.23. Bà Huỳnh Thị N2, sinh năm 1961 (có mặt);

3.24. Ông Huỳnh Văn P, sinh năm 1973 (vắng mặt);

3.25. Bà Nguyễn Thị Cà R, sinh năm 1973 (vắng mặt);

3.26. Ông Huỳnh Văn L2, sinh năm 1993 (vắng mặt);

3.27. Bà Huỳnh Thị L3, sinh năm 2000 (vắng mặt);

Cùng cư trú: Số A, tổ F, ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang (nay là số A, tổ F, ấp A, xã H, tỉnh An Giang).

3.28. Bà Lương Thị L4, sinh năm 1941 (vắng mặt);

3.29. Ông Huỳnh Văn B2, sinh năm 1977 (vắng mặt);

3.30. Bà Nguyễn Thị T6, sinh năm 1977 (vắng mặt);

3.31. Bà Huỳnh Thị Thúy A, sinh năm 1998 (vắng mặt);

3.32. Ông Huỳnh Tuấn K3, sinh năm 2001 (vắng mặt);

Cùng cư trú: Ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang (nay là ấp A, xã H, tỉnh An Giang).

3.33. Bà Nguyễn Thị T7, sinh năm 1968 (vắng mặt);

3.34. Bà Huỳnh Thị Yến N5, sinh năm 1982 (vắng mặt);

3.35. Bà Huỳnh Thị Tuyết G, sinh năm 1998 (vắng mặt);

3.36. Anh Huỳnh Gia K4, sinh năm 2019 (vắng mặt);

Người đại diện hợp pháp của anh Huỳnh Gia K4: Bà Huỳnh Thị Yến N5, là người đại diện theo pháp luật (vắng mặt).

Cùng cư trú: Số A, tổ F, ấp A, xã H, huyện C, An Giang (nay là số A, tổ F, ấp A, xã H, tỉnh An Giang).

3.37. Bà Võ Thị N6, sinh năm 1950 (vắng mặt);

3.38. Ông Huỳnh Văn T8, sinh năm 1978 (có mặt);

3.39. Bà Trần Kim O, sinh năm 1988 (vắng mặt);

3.40. Chị Huỳnh Thanh N7, sinh năm 2011 (vắng mặt);

Người đại diện hợp pháp của chị Huỳnh Thanh N7: Ông Huỳnh Văn T8 (có mặt) và bà Trần Kim O (vắng mặt), là người đại diện theo pháp luật.

Cùng cư trú: Số A, tổ F, ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang (nay là số A, tổ F, ấp A, xã H, tỉnh An Giang).

3.41. Ông Huỳnh Văn V, sinh năm 1967 (vắng mặt);

3.42. Bà Võ Thị T9, sinh năm 1964 (vắng mặt);

3.43. Bà Huỳnh Thị L5, sinh năm 1987 (vắng mặt);

3.44. Ông Huỳnh Văn T10, sinh năm 1989 (vắng mặt);

3.45. Anh Huỳnh Văn T11, sinh năm 2013 (vắng mặt);

Người đại diện hợp pháp của anh Huỳnh Văn T11: Ông Huỳnh Văn T10, là người đại diện theo pháp luật (vắng mặt).

Cùng cư trú: Ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang (nay là ấp A, xã H, tỉnh An Giang).

3.46. Bà Trần Thị C4 (C5), sinh năm 1946 (chết);

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Trần Thị C4, gồm:

3.46.1. Ông Huỳnh Hùng T12, sinh năm 1964; nơi cư trú: Ấp V, xã L, huyện T, tỉnh An Giang (nay là ấp V, xã B, tỉnh An Giang) (vắng mặt).

3.46.2. Bà Huỳnh Thị Hoàng A1 (Huỳnh Thị H3), sinh năm 1970; nơi cư trú: Ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang (nay là ấp A, xã H, tỉnh An Giang) (vắng mặt).

3.46.3. Ông Huỳnh Hùng T13, sinh năm 1973; nơi cư trú: Ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang (nay là ấp A, xã H, tỉnh An Giang) (vắng mặt).

3.46.4. Bà Huỳnh Thị V1, sinh năm 1975; nơi cư trú: Ấp P, thị trấn T, huyện V, Thành phố Cần Thơ (nay là ấp P, xã T, Thành phố Cần Thơ) (vắng mặt).

3.46.5. Ông Huỳnh Phú Q, sinh năm 1977; nơi cư trú: Khóm A, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang (nay là khóm A, phường M, tỉnh An Giang) (vắng mặt).

3.46.6. Bà Huỳnh Thị N8, sinh năm 1980 (vắng mặt);

3.46.7. Ông Huỳnh Ngọc T14, sinh năm 1984 (vắng mặt);

3.46.8. Ông Huỳnh Ngọc T15, sinh năm 1987 (vắng mặt);

Cùng cư trú: Ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang (nay là ấp A, xã H, tỉnh An Giang).

3.47. Ông Huỳnh Hùng T12, sinh năm 1964; nơi cư trú: Ấp V, xã L, huyện T, tỉnh An Giang (nay là ấp V, xã B, tỉnh An Giang) (vắng mặt).

3.48. Bà Huỳnh Thị Hoàng A1 (Huỳnh Thị H3), sinh năm 1970 (vắng mặt);

3.49. Ông Huỳnh Hùng T13, sinh năm 1973 (vắng mặt);

Cùng cư trú: Ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang (nay là ấp A, xã H, tỉnh An Giang).

3.50. Bà Huỳnh Thị V1, sinh năm 1975; nơi cư trú: Ấp P, thị trấn T, huyện V, thành phố Cần Thơ (nay là ấp P, xã T, Thành phố Cần Thơ) (vắng mặt).

3.51. Ông Huỳnh Phú Q, sinh năm 1977; nơi cư trú: Khóm A, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang (nay là khóm A, phường M, tỉnh An Giang) (vắng mặt).

3.52. Bà Huỳnh Thị N8, sinh năm 1980 (vắng mặt);

3.53. Ông Huỳnh Ngọc T14, sinh năm 1984 (vắng mặt);

3.54. Ông Huỳnh Ngọc T15, sinh năm 1987 (vắng mặt);

Cùng cư trú: Ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang (nay là ấp A, xã H, tỉnh An Giang).

3.55. Ông Huỳnh Văn T16, sinh năm 1937; nơi cư trú: Khóm M, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang (nay là khóm M, phường L, tỉnh An Giang) (chết ngày 15/10/2024).

3.56. Bà Lê Thị N9, sinh năm 1946; nơi cư trú: Ấp T, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang (nay là ấp T, xã N, tỉnh An Giang) (vắng mặt).

3.57. Ông Huỳnh Văn L6, sinh năm 1972; nơi cư trú: Ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang (nay là ấp A, xã H, tỉnh An Giang) (vắng mặt).

3.58. Bà Huỳnh Thị X2, sinh năm 1974; nơi cư trú: Ấp B, xã V, thành phố C, tỉnh An Giang (nay là ấp B, phường V, tỉnh An Giang) (vắng mặt).

3.59. Ông Huỳnh Văn P3, sinh năm 1975; nơi cư trú: Ấp T, phường T, quận T, Thành phố Cần Thơ (nay là ấp T, phường T, Thành phố Cần Thơ) (vắng mặt).

3.60. Ông Huỳnh Văn L7, sinh năm 1977; nơi cư trú: Ấp H, xã Đ, huyện C, tỉnh An Giang (nay là ấp H, xã T, tỉnh An Giang) (vắng mặt).

3.61. Ông Huỳnh Văn C6, sinh năm 1983; nơi cư trú: Ấp T, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang (nay là ấp T, xã N, tỉnh An Giang) (vắng mặt).

3.62. Bà Huỳnh Thị K5, sinh năm 1981; nơi cư trú: Ấp B, xã V, thành phố C, tỉnh An Giang (nay là ấp B, phường V, tỉnh An Giang) (vắng mặt).

3.63. Ông Huỳnh Phước H4, sinh năm 1989; nơi cư trú: Ấp T, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang (nay là ấp T, xã N, tỉnh An Giang) (vắng mặt).

3.64. Bà Lương Thị L4, sinh năm 1941 (vắng mặt);

3.65. Ông Huỳnh Văn N10, sinh năm 1968 (có mặt);

3.66. Bà Huỳnh Thị N11, sinh năm 1972 (có mặt);

3.67. Ông Huỳnh Văn B2, sinh năm 1977 (vắng mặt);

Cùng cư trú: Ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang (nay là ấp A, xã H, tỉnh An Giang).

3.68. Bà Huỳnh Thị Bé T17, sinh năm 1974; nơi cư trú: Ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang (nay là ấp A, xã H, tỉnh An Giang) (vắng mặt).

3.69. Bà Huỳnh Thị Bé N12, sinh năm 1976; nơi cư trú: Số C, tổ B, khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang (nay là số C, tổ B, khóm T, phường L, tỉnh An Giang) (vắng mặt).

3.70. Ông Huỳnh Văn N10, sinh năm 1968; nơi cư trú: Số A, tổ F, ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang (nay là số A, tổ F, ấp A, xã H, tỉnh An Giang) (có mặt).

3.71. Bà Võ Thị N6, sinh năm 1950 (vắng mặt);

3.72. Ông Huỳnh Văn V, sinh năm 1967 (vắng mặt);

Cùng cư trú: Ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang (nay là ấp A, xã H, tỉnh An Giang).

3.73. Bà Huỳnh Thị T18, sinh năm 1969; nơi cư trú: Ấp B, xã H, huyện C, tỉnh An Giang (nay là ấp B, xã H, tỉnh An Giang) (vắng mặt).

3.74. Ông Huỳnh Văn H2, sinh năm 1971; nơi cư trú: Xã H, huyện C, tỉnh An Giang (nay là xã H, tỉnh An Giang) (vắng mặt).

3.75. Bà Huỳnh Thị T19, sinh năm 1973; nơi cư trú: Số C, ấp V, xã V, quận T, Thành phố Cần Thơ (nay là số C, ấp V, xã V, Thành phố Cần Thơ) (vắng mặt).

3.76. Ông Huỳnh Văn Thiên E, sinh năm 1974 (vắng mặt);

3.77. Ông Huỳnh Văn T8, sinh năm 1978 (có mặt);

Cùng cư trú: Ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang (nay là ấp A, xã H, tỉnh An Giang).

3.78. Bà Huỳnh Thị Mỹ T20, sinh năm 1980; nơi cư trú: Số E, ấp T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang (nay là số E, ấp T, phường M, tỉnh An Giang) (vắng mặt).

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Huỳnh Thị X.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ án sơ thẩm thể hiện:

** Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai, các biên bản hòa giải, nguyên đơn bà Huỳnh Thị X trình bày:*

Nguồn gốc đất là của cha mẹ bà để lại vào năm 1952, cha bà tên Huỳnh Văn H5 (chết năm 1964) mua của ông Kỳ H6, ông K6, ông B3 con ruột của bà Huỳnh Thị M3 và ông Văn B4 và đứng tên trên giấy theo Bản đồ địa bộ G1, số thửa 63 - 64 - 65 - 66 do chính quyền chế độ cũ cấp. Sau khi ông H5 chết thì anh em tự phân chia di sản của ông H5 và cho bà phần đất này. Việc thuận phân giữa các anh em không có lập văn bản, chỉ nói miệng nhưng có sự chứng kiến của bà

Huỳnh Thị H7 (mẹ ruột của bà). Bà Huỳnh Thị X cho rằng phần diện tích đất mà các ông, bà Huỳnh Văn T, Huỳnh Thị N11, Huỳnh Văn T21, Huỳnh Văn Thiên E, Huỳnh Văn M, Huỳnh Văn C7, Huỳnh Văn N10, Huỳnh Văn T22 hiện nay đang sử dụng thuộc quyền sử dụng đất của gia đình bà theo Bản đồ địa bộ G1, số thửa 63 - 64 - 65 - 66 do chính quyền chế độ cũ cấp nên yêu cầu 08 hộ này có nghĩa vụ trả lại cho bà phần đất diện tích mà 08 hộ này đang sử dụng. Đồng thời, yêu cầu Ủy ban nhân dân xã H trả lại diện tích 561m² do đã lấy đất của bà để xây dựng trường tiểu học “A” H. Hiện nay, phần đất tranh chấp chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà Huỳnh Thị X yêu cầu gia đình Huỳnh Văn T, Huỳnh Thị N11, Huỳnh Văn T21, Huỳnh Văn Thiên E, Huỳnh Văn M, Huỳnh Văn C7, Huỳnh Văn N10, Huỳnh Văn T22 trả lại diện tích đất nền nhà mà các ông bà trên đang sử dụng và Ủy ban nhân dân xã H trả lại diện tích đất trường học. Chứng cứ bà X cung cấp là Trích lục địa bộ của chế độ cũ, tờ bán đất năm 1952, tờ trả đất năm 1962.

Ngày 30/6/2021, bà X rút lại không yêu cầu đối với Ủy ban nhân dân xã H trả lại diện tích đất xây trường học. Vẫn giữ nguyên yêu cầu các đương sự trên trả lại đất.

Ngày 18/4/2023, bà X có đơn yêu cầu bổ sung, yêu cầu các đương sự trả diện tích đất đã được Văn phòng đăng ký đất đai đã đo là 2.390,5m².

** Bị đơn ông Huỳnh Văn T trình bày:* Nguồn gốc đất ông đang sử dụng là của ông bà khai phá, để lại cho cha mẹ ông. Sau đó để lại cho gia đình ông sử dụng ổn định từ rất lâu, ông có đóng thuế cho Nhà nước. Nay bà X yêu cầu gia đình ông trả đất, ông không đồng ý.

** Ông Huỳnh Văn P là người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông Huỳnh Văn M trình bày:* Nguồn gốc đất mà ông đang sử dụng là của ông nội ông tên Huỳnh Văn Đ cho cha ông tên Huỳnh Văn M một phần đất thổ cư để cất nhà, tổng diện tích khoảng 450m², gia đình ông đã sử dụng ổn định nên không đồng ý đối với yêu cầu trả đất của bà Huỳnh Thị X.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và là người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông Huỳnh Văn T22 là ông Huỳnh Văn T8 trình bày:* Nguồn gốc đất mà ông đang sử dụng là của ông nội ông tên Huỳnh Văn Đ cho cha ông là Huỳnh Văn T22 một phần đất thổ cư, diện tích khoảng 500m², cha ông đã cất nhà trên đất vào năm 1970 và cho anh của ông là Huỳnh Văn T8 Em diện tích khoảng 200m². Hiện nay, phần đất này do anh em ông đang sử dụng nên không đồng ý đối với yêu cầu anh em ông trả lại đất của bà Huỳnh Thị X.

** Ông Huỳnh Văn B2 là người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông Huỳnh Văn C7 trình bày:* Nguồn gốc đất mà ông đang sử dụng là của ông cố ông tên Huỳnh Văn L8 cho lại ông nội ông tên Huỳnh Văn Đ1 một phần đất thổ cư diện tích khoảng 1.053m² vì ông nội ông là út trai nên được thừa hưởng phần này, kể đến là cha ông tên Huỳnh Văn C7 cũng được thừa hưởng và cư ngụ trên phần diện tích đất này. Vào năm 1988, cha ông là Huỳnh Văn C7 đã cất một phần đất thổ cư cho anh ông là Huỳnh Văn N10 diện tích khoảng 357m² và cho chị ông là

Huỳnh Thị N11 diện tích khoảng 192m², phần diện tích còn lại hiện nay ông đang sử dụng, diện tích khoảng 504m². Do đó, ông không đồng ý đối với yêu cầu trả đất của bà Huỳnh Thị X.

** Ông Huỳnh Văn T21 trình bày:* Nguồn gốc đất mà ông đang sử dụng là của ông nội tên Huỳnh Văn Đ cho cha ông tên Huỳnh Văn T, sau đó cha ông cho lại ông diện tích khoảng 125m² và ông cất nhà ở trên đất từ năm 1992 đến nay nên không đồng ý đối với yêu cầu của bà Huỳnh Thị X.

** Ông Huỳnh Văn T8 Em trình bày:* Nguồn gốc đất mà ông đang sử dụng là của ông cố nội tên Huỳnh Văn L8 cho ông nội ông tên Huỳnh Văn Đ. Kế đến đời cha ông là Huỳnh Văn T22 được thừa hưởng và cư ngụ trên phần đất có diện tích khoảng 500m². Sau đó, ông được cha ông cho lại phần diện tích khoảng 200m² và ông cất nhà ở trên phần đất này từ năm 1994 đến nay nên không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị X.

** Ông Huỳnh Văn N10 trình bày:* Nguồn gốc đất mà ông đang sử dụng là của ông cố nội tên Huỳnh Văn L8 tặng cho lại ông nội ông là Huỳnh Văn Đ1. Kế đến là đời cha ông tên Huỳnh Văn C7 được thừa hưởng của ông nội ông diện tích 1.053m². Khi ông lập gia đình thì cha ông cho ông phần đất thổ cư diện tích khoảng 357m² và ông đã cất nhà ở trên phần đất này từ năm 1988 đến nay. Do đó, ông không đồng ý theo yêu cầu của bà Huỳnh Thị X.

** Ông Huỳnh Văn T trình bày:* Nguồn gốc đất mà ông đang sử dụng là của ông nội tên Huỳnh Văn L8 cho cha ông tên Huỳnh Văn Đ phần đất thổ cư khoảng 1.400m². Cha ông cho lại anh ông tên Huỳnh Văn M diện tích khoảng 450m², Huỳnh Văn T22 khoảng 520m², cho con ông là Huỳnh Văn T21 diện tích 120m², phần còn lại khoảng 310m² thì ông sử dụng đến nay. Đối với phần đất này thì gia đình ông đã sử dụng khoảng 80 năm nên không đồng ý đối với yêu cầu của bà Huỳnh Thị X.

** Bà Huỳnh Thị N11 trình bày:* Nguồn gốc đất mà bà đang sử dụng là của ông cố nội tên Huỳnh Văn L8 để lại cho ông nội là Huỳnh Văn Đ1, ông nội bà cho lại cha bà là Huỳnh Văn C7 diện tích khoảng 1.053m². Sau đó, cha bà cho bà diện tích khoảng 192m² và bà đã cất nhà ở từ năm 2006 đến nay nên không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị X.

** Bà Huỳnh Thị X đại diện theo ủy quyền cho các ông Huỳnh Văn L6, Huỳnh Văn T16:* Thống nhất với yêu cầu của bà X.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác và Ủy ban nhân dân huyện C đã được tổng đạt thông báo thụ lý vụ án của bà Huỳnh Thị X và được triệu tập họp lệ để giải quyết, nhưng đều vắng mặt và không có ý kiến nên không thể ghi nhận ý kiến và hòa giải được.

Các đương sự thống nhất bản vẽ đo đạc ngày 24/02/2014 và ngày 03/7/2024 của Văn phòng Đ2 chi nhánh C8, không yêu cầu đo đạc, định giá lại.

Tại phiên tòa, bà Huỳnh Thị X rút lại yêu cầu đối với Ủy ban nhân dân xã H và một phần diện tích đất của bà N11 là 26,6m², còn các yêu cầu khác vẫn giữ nguyên.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 94/2024/DS-ST ngày 02 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang đã quyết định:

Căn cứ:

- Điều 26, 34, 35, 144, 147, 165, 217, 227, 244, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 166 Bộ luật Dân sự.

- Điều 166, 203 Luật Đất đai.

- Nghị quyết án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị X đòi ông Huỳnh Văn T cùng những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trả diện tích đất tranh chấp 2.390,5m².

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị X đối với Ủy ban nhân dân xã H và một phần diện tích 26,6 m² của bà Huỳnh Thị N11.

Sơ đồ khu đất tranh chấp ngày 24/02/2014 và 03/7/2024 của Văn phòng Đ2 chi nhánh C8 là một phần không tách rời của bản án.

Các đương sự có trách nhiệm đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký kê khai quyền sử dụng đất theo quy định.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí dân sự sơ thẩm; quyền kháng cáo; quyền thi hành án và thời hiệu thi hành án của các bên đương sự.

Ngày 05/8/2024, nguyên đơn bà Huỳnh Thị X kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Huỳnh Thị X vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- *Luật sư Ngô Việt B, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn có ý kiến:* Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét thu thập đầy đủ nguồn gốc đất tranh chấp tại thời điểm đất chưa tách xã H và H (chỉ xác minh tại xã H). Bản vẽ hiện trạng chưa thể hiện rõ được các vị trí tọa độ diện tích đất mà nguyên đơn tranh chấp với các bị đơn. Nguyên đơn bà X có khởi kiện và được thụ lý có bị đơn ông Huỳnh Văn T21, nhưng sau đó cấp sơ thẩm xác định lại tư cách đương sự thì không còn ông Huỳnh Văn T21 và một số bị đơn khác trở thành người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, là đã vi phạm tố tụng nghiêm trọng. Đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ về Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo quy định pháp luật.

- Bà X có ý kiến: Thống nhất ý kiến của Luật sư Ngô Việt B. Đối với việc Tòa án xác định lại tư cách các đương sự, do bà lớn tuổi, nghĩ là đã đúng như đơn khởi kiện của bà, bà chỉ xem ngày giờ Tòa án mời để đến tham dự. Về các anh em của bà thì có ông Huỳnh Văn T16 đã chết ngày 15/10/2024, ông T16 có vợ là bà Võ Thị X3 đã chết năm 2004 và có 06 người con đều ở phường L, tỉnh An Giang.

- Ông T, ông T8, ông N10 có ý kiến: Không đồng ý yêu cầu kháng cáo của bà X, yêu cầu giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

- Bà N2 có ý kiến: Chị bà là Huỳnh Thị N đã chết năm 2022; đối với yêu cầu khởi kiện của bà X, bà không đồng ý, yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định pháp luật.

- Bà N11 có ý kiến: Theo bà thì Tòa án cấp sơ thẩm đã đo vẽ hiện trạng bản vẽ năm 2024 là đúng thực tế, vì năm 2014 bà không hiểu biết nên không đồng ý cho đo đạc. Còn việc bản vẽ hiện trạng 2024 ghi nhận như thế nào bà không biết do đọc không hiểu. Bà thống nhất với bản án sơ thẩm.

Ngoài ra, các đương sự có mặt tại phiên tòa đều có ý kiến: Không biết bị đơn bà Phạm Thị H mà cấp sơ thẩm ghi nhận trong Bản án sơ thẩm và một số văn bản tố tụng trước đó là ai; bà H không có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gì trong vụ án; không thấy bà H đến tham gia phiên tòa, phiên họp.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm và đề xuất hướng giải quyết vụ án:

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Thư ký, Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử. Những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng.

+ Về nội dung giải quyết vụ án: Qua nghiên cứu hồ sơ và tại phiên tòa, thể hiện cấp sơ thẩm đã thiếu người tham gia tố tụng là ông Huỳnh Văn T21; bà Huỳnh Thị N đã chết năm 2022 nhưng cấp sơ thẩm không xác định đưa người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà N là vi phạm nghiêm trọng tố tụng. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự: Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Huỳnh Thị X; hủy bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C và chuyển hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện C (nay là Tòa án nhân dân khu vực 11 – An Giang) giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn bà Huỳnh Thị X làm đơn kháng cáo trong thời hạn luật định và thuộc trường hợp được miễn tạm ứng án phí do người cao tuổi có đơn xin miễn giảm án phí, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và xét xử theo thủ tục phúc thẩm là đúng quy định tại Điều 285 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về sự có mặt của các đương sự: Bị đơn bà Phạm Thị H; người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông Huỳnh Văn M: Ông (bà) Nguyễn Thị Cà R, Huỳnh Thị N1, Huỳnh Thị C, Huỳnh Thị C1, Huỳnh Văn P, Huỳnh Văn P1, Huỳnh Thị C2; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân dân huyện C (cơ quan kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng là Ủy ban nhân dân xã H, tỉnh An Giang), người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Huỳnh Ngọc T1: Ông (bà) Nguyễn Thị N3, Huỳnh Văn T2, Huỳnh Ngọc K, Huỳnh Ngọc K1, Huỳnh Bé T17, Huỳnh Ngọc S, Huỳnh Ngọc T3, Huỳnh Ngọc T4, Huỳnh Ngọc C3; ông (bà) Nguyễn Thị N3, Huỳnh Văn T2, Huỳnh Ngọc K, Huỳnh Bé T17, Huỳnh Ngọc S, Huỳnh Ngọc T3, Huỳnh Ngọc T4, Huỳnh Ngọc C3, Nguyễn Thị B1, Huỳnh Thị M1, Huỳnh Văn M2, Trương Thị K2, Huỳnh Thị Ánh X1 do ông Huỳnh Văn M2 và bà Trương Thị K2 làm người đại diện theo pháp luật, Nguyễn Thị P2, Huỳnh Hữu H1, Nguyễn Thị Tuyết L, Huỳnh Thị Tuyết L1 do ông Huỳnh Hữu H1 và bà Nguyễn Thị Tuyết L làm người đại diện theo pháp luật, Võ Thị Thanh T5, Huỳnh Văn H2, Huỳnh Thị N4 do ông Huỳnh Văn Thiên E và bà Võ Thị Thanh T5 làm người đại diện theo pháp luật, Huỳnh Văn P, Nguyễn Thị Cà R, Huỳnh Văn L2, Huỳnh Thị L3, Lương Thị L4, Huỳnh Văn B2, Nguyễn Thị T6, Huỳnh Thị Thúy A, Huỳnh Tuấn K3, Nguyễn Thị T7, Huỳnh Thị Yến N5, Huỳnh Thị Tuyết G, Huỳnh Gia K4 do bà Huỳnh Thị Yến N5 làm người đại diện theo pháp luật, Võ Thị N6, Trần Kim O, Huỳnh Thanh Nguyên do ông Huỳnh Văn T8 và bà Trần Kim O làm người đại diện theo pháp luật, Huỳnh Văn V, Võ Thị T9, Huỳnh Thị L5, Huỳnh Văn T10, Huỳnh Văn T11 do ông Huỳnh Văn T10 làm người đại diện theo pháp luật, người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Trần Thị C4 gồm ông (bà): Huỳnh Hùng T12, Huỳnh Thị Hoàng A1 (Huỳnh Thị H3), Huỳnh Hùng T13, Huỳnh Thị V1, Huỳnh Phú Q, Huỳnh Thị N8, Huỳnh Ngọc T14, Huỳnh Ngọc T15; Huỳnh Hùng T12, Huỳnh Thị Hoàng A1 (Huỳnh Thị H3), Huỳnh Hùng T13, Huỳnh Thị V1, Huỳnh Phú Q, Huỳnh Thị N8, Huỳnh Ngọc T14, Huỳnh Ngọc T15, Lê Thị N9, Huỳnh Văn L6, Huỳnh Thị X2, Huỳnh Văn P3, Huỳnh Văn L7, Huỳnh Văn C6, Huỳnh Thị K5, Huỳnh Phước H4, Lương Thị L4, Huỳnh Văn B2, Huỳnh Thị Bé T17, Huỳnh Thị Bé N12, Võ Thị N6, Huỳnh Văn V, Huỳnh Thị T18, Huỳnh Văn H2, Huỳnh Thị T19, Huỳnh Văn Thiên E, Huỳnh Thị Mỹ T20 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa phúc thẩm nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự có tên nêu trên.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà X vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ mới; riêng ông Huỳnh Văn N10 có cung cấp bản phô tô trích lục khai tử của bà Huỳnh Thị N. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

[1.3] Về người tham gia tố tụng trong vụ án:

Ngày 03/10/2013, Tòa án cấp sơ thẩm ban hành Thông báo về việc thụ lý vụ án số 1150/TB-TLVA (bút lục 76) theo đơn khởi kiện của bà Huỳnh Thị X (bút lục 71), bị đơn được xác định gồm các ông (bà): Huỳnh Văn T, Huỳnh Văn

T21, Huỳnh Văn M, Huỳnh Văn C7, Huỳnh Thị N11, Huỳnh Văn N10, Huỳnh Văn T22, Huỳnh Văn Thiên E. Đến ngày 18/4/2023, Tòa án ban hành Thông báo về việc thụ lý bổ sung vụ án số 243A/TB-TLVA (bút lục 650) theo đơn khởi kiện bổ sung của bà Huỳnh Thị Xem ngày 1 (bút lục 646): Vãn thể hiện 08 bị đơn gồm: Huỳnh Văn T, Huỳnh Thị N11, Huỳnh Văn T21, Huỳnh Văn Thiên E, Huỳnh Văn M, Huỳnh văn C7, Huỳnh Văn N10, Huỳnh Văn T22.

Cấp sơ thẩm đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đến ngày 08/3/2024, ban hành Thông báo xác định lại thành phần những người tham gia tố tụng số 62/TB-TA (bút lục 1568) với lý do nay xác định ông Huỳnh Văn T22 đã chết năm 2008, ông Huỳnh Văn C7 chết năm 2005 – trước thời điểm thụ lý vụ án nên đưa ông T22, ông C7 ra khỏi vụ án đang giải quyết và xác định lại những người tham gia tố tụng trong vụ án. Theo đó, cấp sơ thẩm xác định bị đơn gồm có 03 người là ông Huỳnh Văn T, bà Phạm Thị H, ông Huỳnh Văn M. Các ông (bà) Huỳnh Văn N10, Huỳnh Văn Thiên E, Huỳnh Thị N11 được xác định là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Riêng ông Huỳnh Văn T21 không được xác định là đương sự trong vụ án và đưa bà Phạm Thị H vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là bị đơn nhưng các đương sự có mặt tại phiên tòa phúc thẩm đều cho rằng không biết bà H là ai, không liên quan hay có mối quan hệ gì với các đương sự trong vụ án.

Đồng thời, tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự có mặt đều cho rằng trên phần đất bà X tranh chấp vẫn có căn nhà của ông Huỳnh Văn T21 và bà X xác định vẫn có yêu cầu ông Huỳnh Văn T21 trả lại đất cho bà như đơn khởi kiện trước đây. Như vậy, cấp sơ thẩm không đưa ông Huỳnh Văn T21 vào tham gia tố tụng trong vụ án là thiếu sót, gây ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự.

Ngoài ra, bà Huỳnh Thị N đã chết ngày 12/12/2022 (theo trích lục khai tử ông N10 cung cấp tại phiên tòa phúc thẩm) nhưng cấp sơ thẩm đã không xác minh để đưa người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà N vào tham gia trong vụ án là thiếu sót, gây ảnh hưởng quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự.

Một trong các con của ông Huỳnh Văn M (đã chết). Ông M có người con tên Huỳnh Văn H8, cũng đã chết nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chưa xác định ông H8 có người thừa kế hay không để đưa vào tham gia vụ án với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[1.4] Vi phạm tố tụng khác:

Biên bản định giá tài sản ngày 21/01/2022 (bút lục 594) không có chữ ký của Hội đồng định giá, thư ký Tòa án, đương sự.

Bản án, biên bản nghị án và biên bản phiên tòa có tên bà Phạm Thị H, nhưng bà H không phải là đương sự trong vụ án như đã nhận định ở trên.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm ghi trùng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, cụ thể: Bà Lương Thị L4 (số thứ tự 3.28 và 3.64), ông Huỳnh Văn B2 (số thứ tự 3.29 và 3.67), bà Võ Thị N6 (số thứ tự 3.37 và 3.71), ông Huỳnh Văn T8 (số thứ

tự 3.38 và 3.77), ông Huỳnh Văn V (số thứ tự 3.41 và 3.72), ông Huỳnh Văn N10 (số thứ tự 3.65 và 3.70).

Do cấp sơ thẩm có những vi phạm nghiêm trọng về mặt tố tụng, nên Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ về cho cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung vụ án: Do hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ về cho cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về nội dung vụ án nên không xem xét về nội dung yêu cầu kháng cáo của các đương sự.

Tuy nhiên, khi giải quyết lại vụ án, cấp sơ thẩm cần lưu ý: Bà X khởi kiện tranh chấp yêu cầu 08 hộ dân có nghĩa vụ trả lại diện tích đất 2.390,5m² tọa lạc ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang (nay là ấp A, xã H, tỉnh An Giang), cấp sơ thẩm cần xem xét thẩm định tại chỗ và tiến hành đo đạc hiện trạng để có 01 bản trích đo hiện trạng khu đất chi tiết làm cơ sở xem xét giải quyết theo quy định pháp luật (hiện tại trong hồ sơ có 03 bản trích đo hiện trạng khu đất do Văn phòng Đ2 chi nhánh C8 lập: 01 bản ngày 03/7/2024 và 02 bản cùng ngày 24/02/2014, đều thể hiện các diện tích đất khác nhau và không thể hiện được đầy đủ 08 hộ mà bà X khởi kiện tranh chấp đòi lại đất).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm cần lưu ý về cách tuyên án: Không tuyên chung chung, không rõ ràng, không cụ thể, cần tuyên rõ chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu nguyên đơn là buộc ai có trách nhiệm trả lại diện tích đất bao nhiêu, tại điểm mốc nào của Bản trích đo hiện trạng (Bản án sơ thẩm đã tuyên: *“Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị X đòi ông Huỳnh Văn T cùng những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trả diện tích đất tranh chấp 2.390,5m²”*, là không cụ thể và đã tuyên không chấp nhận yêu cầu nhưng lại tuyên *“Các đương sự có trách nhiệm đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký kê khai quyền sử dụng đất theo quy định”* là không đúng, vì bản án không tuyên ai được quyền quản lý, sử dụng đất nên không ai được đi kê khai đăng ký theo quy định).

Và việc cấp sơ thẩm đã tuyên: *“Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị X đối với Ủy ban nhân dân xã H và một phần diện tích 26,6 m² của bà Huỳnh Thị N11”*, nhưng trong hồ sơ không thể hiện Ủy ban nhân dân xã H là đương sự trong vụ án, cần kiểm tra lại yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và xác định tư cách đương sự cho đúng quy định tại Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[3] Về án phí và chi phí tố tụng:

Án phí dân sự sơ thẩm và các chi phí tố tụng: Sẽ được xác định lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Do hủy bản án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 148 và khoản 3 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Hủy Bản án sơ thẩm số 94/2024/DS-ST ngày 02 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang (nay là Tòa án nhân dân khu vực 11 - An Giang) giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm và các chi phí tố tụng: Sẽ được xác định lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

- Án phí phúc thẩm: Người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa phúc thẩm TANDTC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND khu vực 11 – An Giang;
- Phòng THADS khu vực 11 – An Giang;
- Dương sự;
- Lưu: Văn phòng, Tòa Dân sự, Phòng GD, KT, TT&THA, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Minh Châu

